

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Giai đoạn 2020 – 2025 của tỉnh Bình Thuận
thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Công tác dân số là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và luôn được xác định là một bộ phận quan trọng trong Chiến lược phát triển đất nước, một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu của quốc gia, đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm phát triển nhanh, bền vững. Thực hiện tốt công tác dân số là giải pháp để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội.

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản của tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2011 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020 và nhất là sau khi Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới được ban hành; các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể đã xem công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) là một phần việc của ngành, đơn vị mình; các sở, ban, ngành, đoàn thể tích cực phối hợp với chương trình dân số các cấp để thực hiện truyền thông, tư vấn đến với hội viên, đoàn viên, quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh về công tác dân số trong tình hình mới.

Trên cơ sở thay đổi nhận thức của người dân, cùng với tác động của các cấp chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể, phần lớn người dân đã có sự thay đổi về hành vi thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Tốc độ gia tăng dân số được khống chế, quy mô dân số ổn định, khống chế được tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh. Chất lượng dân số được cải thiện và có sự phân bố hợp lý hơn, gắn với quá trình đô thị hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Kết quả công tác dân số thời gian qua đã góp phần tích cực vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, mức sinh của tỉnh Bình Thuận giảm mạnh (năm 2019 bình quân 1,91 con/phụ nữ), tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên ở một số địa phương còn cao, cơ cấu dân số dần chuyển sang cơ cấu dân số già, chất lượng dân số còn thấp là thách thức lớn đối với công tác dân số của tỉnh. Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Bình Thuận thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 tập trung vào giải quyết các mục tiêu: Phần đầu đạt mức sinh thay thế; giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý

và nâng cao chất lượng dân số đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG THỜI GIAN QUA

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Quy mô dân số và mức sinh

- Dân số tỉnh Bình Thuận năm 2019 là 1.232.267 người (Dân số thời điểm ngày 01/4/2019 là 1.230.808 người¹).

- Tổng tỷ suất sinh của tỉnh Bình Thuận năm 2015 là 2,04 con/phụ nữ, đến năm 2018 là 1,82 con/phụ nữ, năm 2019 là 1,91 con/phụ nữ, bình quân 05 năm (2015-2019) là 1,87 con/phụ nữ. Như vậy, từ năm 2015 đến năm 2019 mức sinh trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đã giảm. Hiện tại, tỉnh Bình Thuận nằm trong nhóm 21 tỉnh, thành phố có mức sinh thấp trên toàn quốc.

2. Cơ cấu dân số

- Tỷ trọng dân số của tỉnh Bình Thuận dưới 15 tuổi chiếm 25%; từ 15 - 64 tuổi chiếm 68,2%; từ 65 tuổi trở lên chiếm 6,8%. So với tỷ trọng dân số của cả nước là: dưới 15 tuổi chiếm 24,3%; từ 15 - 64 tuổi chiếm 68%; từ 65 tuổi trở lên chiếm 7,7%. Như vậy, Bình Thuận đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, một người phụ thuộc thì có hai người trong độ tuổi lao động.

- Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh hiện nay là 112 bé trai/100 bé gái, đều đạt chỉ tiêu tỉnh giao các năm. So với số liệu tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tỷ số giới tính khi sinh toàn quốc là 111,5 bé trai/100 bé gái, như vậy tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh ta vẫn còn đang ở mức cao.

3. Chất lượng dân số

- Trong thời gian qua, để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, tỉnh ta đã và đang triển khai mô hình: Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; sàng lọc trước sinh và sơ sinh để phát hiện sớm các dị tật ở trẻ, từ đó can thiệp điều trị sớm. Qua triển khai thực hiện mô hình tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (SKSS/KHHGD) cho vị thành niên, thanh niên. Năm 2019, kết quả triển khai các hoạt động như: Tỷ lệ trẻ em sinh ra được sàng lọc sơ sinh là 0,14%, tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh là 7,4%.

- Công tác nâng cao sức khỏe, giảm bệnh tật và tử vong ở trẻ em ngày càng được quan tâm. Năm 2019, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng là 7,5 % (mức bình quân toàn quốc là 5,5%); tỷ suất tử vong mẹ là 11,2/100.000 trẻ

¹Nguồn Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương.

sinh ra sống, thấp so với toàn quốc (14,2/100.000 trẻ sinh ra sống). Tuổi thọ trung bình đạt 74,5 năm cao hơn mức bình quân cả nước 0,9 năm, cao hơn mức bình quân vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 1,5 năm.

4. Phân bố dân số

Đến nay, tỉnh Bình Thuận có 38,1% dân số sống ở khu vực thành thị so với 39,4% năm 2009. Sau 10 năm tỷ lệ dân số thành thị của tỉnh không tăng mà giảm 1,3%. Tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị của tỉnh Bình Thuận cao hơn so với toàn quốc (34,43%) và Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (28,34%).

5. Công tác tuyên truyền, giáo dục dân số

- Trong thời gian qua, công tác truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển đã được tăng cường đẩy mạnh, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của từng nhóm đối tượng trong việc thực hiện KHHGD và chăm sóc SKSS. Từ năm 2017 đến nay, công tác truyền thông đã từng bước chuyển đổi trọng tâm từ chính sách DS - KHHGD sang dân số và phát triển, chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW; Các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số, SKSS/KHHGD được đẩy mạnh tập trung vào các đợt như: Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD đến các vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao; truyền thông nhân các ngày kỷ niệm về dân số như: Ngày Dân số Thế giới (11/7), ngày Thiếu máu tán huyết bẩm sinh Thế giới (08/5), ngày Tránh thai Thế giới (26/9), ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10), ngày Quốc tế Trẻ em gái (11/10), tháng hành động quốc gia về dân số và ngày Dân số Việt Nam (26/12). Bên cạnh đó chú trọng hình thức truyền thông đại chúng qua báo, đài, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, chiếu phim, tư vấn và thăm hộ gia đình, truyền thông trong chức sắc, tôn giáo, đồng bào dân tộc, vùng ven biển, vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao, vùng có tỷ số giới tính khi sinh cao, sinh hoạt nhóm, sinh hoạt câu lạc bộ.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, sở, ban, ngành, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, cam kết, ủng hộ và tham gia truyền thông vận động về công tác dân số, đặc biệt là sự đồng tình, hưởng ứng của người dân, của mỗi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội. Nhờ vậy, kiến thức về dân số, SKSS/KHHGD, sự hiểu biết về chính sách pháp luật, kỹ năng lựa chọn và thực hiện hành vi của các đối tượng tham gia chương trình ngày càng được nâng cao. Đây là một trong những yếu tố quyết định sự ổn định và bền vững của chương trình DS - KHHGD.

- Các sản phẩm truyền thông, nói chuyện chuyên đề, truyền thông lưu động, các buổi mít tinh, tổ chức sự kiện như Hội nghị Biểu dương các gia đình tiêu biểu, sinh con một bé là gái, thực hiện tốt chính sách DS - KHHGD; Hội thi cán bộ dân số giỏi; Hội thi tìm hiểu kiến thức về dân số và phát triển tại tỉnh và huyện, chiến dịch lồng ghép truyền thông với cung cấp dịch vụ KHHGD tại cấp huyện và đặc biệt là hoạt động tư vấn, vận động trực tiếp tại nhà của cộng tác viên

dân số đã được thực hiện rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

- Công tác truyền thông, vận động, giáo dục về dân số và phát triển đã tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, làm thay đổi nhận thức, thái độ cũng như thực hiện hành vi có lợi và bền vững về dân số, SKSS/KHHGD nhằm nâng cao chất lượng dân số, phát huy lợi thế của cơ cấu “Dân số vàng” góp phần thực hiện các mục tiêu Chiến lược dân số và SKSS Việt Nam, giai đoạn 2011-2020.

6. Dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình

- Trong những năm qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế nói chung trong đó có cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ chăm sóc SKSS/KHHGD của tỉnh không ngừng được đầu tư, hiện đại hóa. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố đều có khoa sản và phòng kỹ thuật thực hiện dịch vụ KHHGD; tất cả 124 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn đều có y sỹ sản nhi và có phòng sanh, phòng thực hiện dịch vụ KHHGD được trang bị các trang thiết bị cần thiết thực hiện dịch vụ.

- Hậu cần phương tiện tránh thai: Các phương tiện tránh thai miễn phí (Vòng tránh thai, thuốc tiêm, thuốc uống) được cung cấp đầy đủ cho đối tượng sử dụng theo quy định. Riêng bao cao su tránh thai được ngân sách tỉnh bố trí mua cấp miễn phí cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Các trường hợp khác được tuyên truyền, vận động tự chi trả thông qua hệ thống tiếp thị xã hội, xã hội hóa.

- Biện pháp tránh thai lâm sàng: Triệt sản, đặt vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy tránh thai được thực hiện tại các đơn vị y tế; các biện pháp tránh thai phi lâm sàng trong hệ thống dân số: thuốc uống, bao cao su tránh thai chủ yếu do cộng tác viên DS-KHHGD cung cấp.

- Kết quả: Các chỉ tiêu về KHHGD đều đạt kế hoạch được giao hàng năm.

7. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

- Công tác DS-KHHGD được cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh quan tâm, chỉ đạo bằng các chương trình, quyết định, kế hoạch với những mục tiêu cụ thể, phù hợp điều kiện của địa phương. Sở Y tế đã tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện công tác DS-KHHGD, cụ thể:

+ Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Kế hoạch số 1117-KH/UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017

của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Chương trình hành động số 05-NQ/TU ngày 14/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) triển khai thực hiện Kết luận số 119-KL/TW, ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

+ Kế hoạch số 2537/KH-UBND ngày 19/7/2016 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 07/2016/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

+ Kế hoạch số 3257/KH-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2020.

+ Kế hoạch số 4187/KH-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 05-NQ/TU ngày 14/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.

+ Kế hoạch số 4640/KH-BCĐ về thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

+ Kế hoạch số 943/KH-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

+ Kế hoạch số 834/KH-SYT ngày 22/3/2017 về Chương trình hành động Truyền thông chuyển đổi hành vi dân số và phát triển giai đoạn 2016 – 2020.

+ Kế hoạch số 5304/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Đề án tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - KHHGĐ cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Về tổ chức bộ máy: Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh Bình Thuận được thành lập theo Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 27/05/2008 của UBND tỉnh Bình Thuận. Tuyển tỉnh có 11/12 biên chế và 02/03 hợp đồng theo Nghị định 68/CP. Từ ngày 01/8/2020, Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh Bình Thuận giải thể, thành lập Phòng Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế.

- Tuyển huyện, có 10 Trung tâm Dân số - KHHGĐ với 45 biên chế, 04 hợp đồng chuyên môn/52 biên chế được giao; 10 hợp đồng theo Nghị định 68/CP; Tuyển xã (biên chế giao cho Trung tâm Dân số - KHHGĐ tuyển huyện biệt phái làm việc tại UBND xã): 90 biên chế, 36 hợp đồng chuyên môn/127 biên chế được giao. Có 1.961 cộng tác viên được duy trì phủ kín các địa bàn trong toàn tỉnh. Công chức, viên chức, cộng tác viên dân số thường xuyên được đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý, truyền thông để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Trong những năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh nên tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGĐ của tỉnh Bình

Thuận được kiện toàn, ổn định. Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ dân số cũng được tỉnh quan tâm, tạo điều kiện.

- Công tác phối hợp tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS-KHHGD của các cấp, các ngành và toàn dân có bước chuyển biến tích cực, các mô hình truyền thông, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được duy trì và ngày càng đi vào chiều sâu, dịch vụ dân số và KHHGD được mở rộng, 100% Trạm Y tế xã thực hiện cung cấp dịch vụ KHHGD cơ bản.

II. HẠN CHẾ, BẤT CẬP

1. Quy mô dân số và mức sinh

Theo số liệu của tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tổng tỷ suất sinh (TFR) của tỉnh là 1,91 con/phụ nữ, thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp (bình thường TFR dao động từ 2,04 đến 2,10 con/phụ nữ).

2. Cơ cấu dân số

Hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn được triển khai hàng năm, tuy nhiên tỷ số giới tính khi sinh năm 2019 của tỉnh là 112 bé trai/100 bé gái, còn ở mức cao, tỷ số này thông thường là 104-106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

3. Chất lượng dân số

Kết quả hoạt động sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh đạt tỷ lệ thấp; hoạt động tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân chỉ dừng ở việc tư vấn, nói chuyện chuyên đề cung cấp kiến thức, thông tin tiền hôn nhân chưa đi sâu vào việc khám sức khỏe tiền hôn nhân.

Hoạt động chăm sóc người cao tuổi còn thiếu về số lượng và chất lượng.

4. Công tác tuyên truyền, giáo dục dân số

Nghiệp vụ, kỹ năng truyền thông của một số viên chức dân số, cộng tác viên dân số mới còn hạn chế.

Phương thức hoạt động truyền thông chưa đa dạng, hình thức chưa phong phú.

5. Dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình

Dịch vụ DS - KHHGD đã được mở rộng đến tận cơ sở, tuy nhiên một số bệnh viện tuyến huyện không thực hiện mổ triệt sản phải chuyển về bệnh viện đa khoa tỉnh làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện KHHGD.

6. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

- Tổ chức bộ máy làm công tác DS - KHHGD chưa ổn định. Chính sách dân số chậm sửa đổi, vẫn tập trung vào KHHGD. Phụ cấp cộng tác viên dân số còn thấp.

- Việc lồng ghép các yếu tố về dân số trong phát triển kinh tế, xã hội

chưa được chú trọng.

III. NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân của hạn chế bất cập

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa thật sự nhận thức đầy đủ tính chất quan trọng, phức tạp, lâu dài của công tác dân số nên có lúc có nơi còn lơ là, thỏa mãn với kết quả đạt được. Sự chỉ đạo, phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể tại một số huyện chưa sâu sát. Ban Chỉ đạo công tác DS - KHHGD cấp xã nhiều nơi hoạt động kém hiệu quả, chỉ đạo thiếu quyết liệt và chưa thường xuyên.

- Áp lực tài chính trong việc nuôi con nhỏ nên đa số gia đình không muốn sinh nhiều con để có điều kiện chăm sóc tốt nhất cho con mình. Đã dẫn đến tâm lý ngại sinh con đối với các cặp vợ chồng trẻ làm mức sinh của tỉnh giảm đáng kể.

- Kiến thức và kỹ năng sống của vị thành niên, thanh niên về chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục, hôn nhân và gia đình còn hạn chế.

- Công tác truyền thông, giáo dục về dân số ở một số nơi hiệu quả chưa cao nhất là các vùng người dân theo đạo thiên chúa giáo, vùng dân tộc ít người, vùng biển, đảo. Trong nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số vẫn còn nặng về KHHGD, chưa chú trọng các mặt cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và tác động qua lại với phát triển.

- Trình độ, kỹ năng của một số viên chức tuyến xã còn hạn chế, khả năng tham mưu cho lãnh đạo địa phương chưa tốt, chưa thuyết phục; một số cộng tác viên thiếu nhiệt tình, tư tưởng không ổn định.

- Nguồn lực đầu tư cho công tác DS - KHHGD còn ít, chưa tương ứng với yêu cầu nhiệm vụ dân số và phát triển.

- Tư tưởng, tâm lý của một số cán bộ làm công tác dân số các cấp thiếu ổn định, do kế hoạch sáp nhập, giải thể tổ chức, bộ máy dân số của địa phương. Phụ cấp cộng tác viên làm công tác DS - KHHGD còn thấp.

- Chế tài xử lý vi phạm chính sách dân số chưa nghiêm, chưa đủ mạnh. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu trong việc thực hiện chính sách dân số đã ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động.

- Một bộ phận công chức, viên chức, người lao động và nhân dân hiểu sai Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 về việc bãi bỏ một phần quy định của Quyết định số 27/QĐ-UBND về chính sách DS-KHHGD tỉnh Bình Thuận nên tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao.

2. Bài học kinh nghiệm

- Cấp ủy đảng, chính quyền cần quan tâm đến công tác dân số, xác định rõ tính chất lâu dài trong việc ổn định mức sinh và tính phức tạp, bức thiết trong giải quyết các vấn đề dân số là nhân tố đầu tiên, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự thành công trong thực hiện chính sách dân số cũng như các vấn đề liên quan đến kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, phát triển bền vững của tỉnh.

- Phải có sự quan tâm và phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể, đặc biệt trong việc phối hợp tuyên truyền chủ trương chính sách, phổ biến kiến thức về dân số, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu dân số.

- Tổ chức bộ máy phải ổn định, thống nhất từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự chỉ đạo xuyên suốt về chuyên môn sẽ mang lại hiệu quả cao trong giải quyết kịp thời các vấn đề dân số phát sinh.

- Cần có sự khuyến khích, biểu dương, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc đặc biệt là các cặp vợ chồng sinh đủ 02 con, sinh 02 con là gái thực hiện tốt chính sách dân số để lan tỏa những tấm gương tốt trong công tác dân số đến toàn xã hội.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2020 - 2025 TỈNH BÌNH THUẬN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới.

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 1117-KH/UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác Dân số trong tình hình mới.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phần đầu đạt mức sinh thay thế; giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh; chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể cần đạt được đến năm 2025

- *Mục tiêu 1:* Phần đầu đạt mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.

+ Phần đầu đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số toàn tỉnh dưới 1,287 triệu người.

+ Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 50% vị thành niên và thanh niên mang thai ngoài ý muốn.

- *Mục tiêu 2:* Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc có rất ít người.

+ Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc có rất ít người (Ngái, Lô Lô, Si La, ...).

+ Ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số, hải đảo.

- *Mục tiêu 3:* Giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phần đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.

+ Tỷ số giới tính khi sinh dưới 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 23,5%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 9%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 48% so với dân số toàn tỉnh.

- *Mục tiêu 4:* Nâng cao chất lượng dân số.

+ Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%; giảm tối đa số cặp tảo hôn và số cặp hôn nhân cận huyết thống; 50% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 04 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 50% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 05 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

+ Tuổi thọ bình quân đạt 75,0 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 67 năm.

+ Chiều cao bình quân người 18 tuổi đối với nam đạt 167,5 cm, nữ đạt 156,5 cm. Chỉ số Phát triển con người (HDI) nằm trong mức trung bình của khu vực miền Đông Nam bộ.

- *Mục tiêu 5:* Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thúc đẩy đô thị hóa, tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 42%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng đặc biệt khó khăn, hải đảo và vùng giáp ranh các tỉnh bạn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- *Mục tiêu 6:* Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

+ 50% ngành, lĩnh vực và địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- *Mục tiêu 7:* Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững.

+ Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021 - 2025 với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

+ Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc SKSS, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) hiện có; nghiên cứu xây dựng các chiến lược, chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2021-2025 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

- *Mục tiêu 8:* Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi.

+ Ít nhất 20% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí môi trường thân thiện với Người cao tuổi.

+ Khoảng 60% Người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

+ 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về công tác dân số. Bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ việc giảm sinh sang sinh đủ 2 con nhằm phấn đấu đạt mức sinh thay thế, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và nâng cao chất lượng dân

số góp phần đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh đồng thời giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Trên cơ sở cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch hành động giai đoạn 2020 – 2025 của tỉnh Bình Thuận thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của Ủy ban nhân dân tỉnh, ban hành kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể nhân dân và của cả cộng đồng trong công tác dân số.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các địa phương, đơn vị. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nội dung truyền thông, giáo dục phải chuyên mạnh sang thực hiện chính sách dân số và phát triển.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 02 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tập trung vận động sinh ít con hơn ở các vùng, đối tượng có mức sinh cao; duy trì kết quả ở những nơi đã đạt mức sinh thay thế; sinh đủ 02 con ở những nơi có mức sinh thấp. Đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ,

đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số, tạo sức lan toả sâu rộng trong toàn xã hội.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới; đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Tạo chuyển biến rõ nét ở những vùng có tỉ số giới tính khi sinh cao.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi, không kết hôn muộn và sớm sinh con, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực. Nâng cao nhận thức, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cư trú, về cấm tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Đẩy mạnh truyền thông về cơ hội, thách thức và giải pháp phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng, thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng già hóa dân số.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, nhất là đội ngũ công tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố, đơn vị sản xuất. Lòng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước và thiết chế văn hóa của cộng đồng; tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tăng số tin, bài, thời lượng; đa dạng hóa các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Chú trọng lòng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Giáo dục dân số, SKSS phải phù hợp

với từng cấp học, lứa tuổi và bảo đảm yêu cầu hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, SKSS đúng đắn, có hệ thống ở thể hệ trẻ.

- Lồng ghép và thực hiện đồng bộ các hoạt động truyền thông cả 2 lĩnh vực về Dân số và Phát triển vào các hoạt động cấp tỉnh đến cơ sở cũng như các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong tỉnh.

3. Thực hiện tốt chiến lược và chính sách, pháp luật về dân số

- Thực hiện tốt Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Thực hiện chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người dân, triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ y tế. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Ngăn ngừa có hiệu quả việc lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Đẩy mạnh công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích và tạo điều kiện cho người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- Rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch các đô thị, khu công nghiệp, chủ động tốt các điều kiện để bố trí dân cư phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trong chiến lược tổng thể xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc có dân số dưới 10.000 người.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGD, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGD cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ phi lâm sàng qua mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số.

- Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ KHHGD theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Tiếp tục huy động các thành

phần kinh tế tham gia tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới dịch vụ KHHGD. Phát triển mạng lưới cung cấp các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức SKSS trước hôn nhân. Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập. Đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

- Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo môi trường thân thiện hòa nhập giữa các nhóm đối tượng và với xã hội.

- Quan tâm phát triển hệ thống chuyên ngành lão khoa trong các bệnh viện. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi; cơ sở cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của người cao tuổi.

- Ưu tiên đầu tư nguồn lực nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội phát triển các cơ sở cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, người bị di chứng chiến tranh, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số... đều thực sự bình đẳng về cơ hội tham gia, thụ hưởng thành quả phát triển.

- Rà soát, đánh giá thực trạng phát triển dân số trên địa bàn, nhất là về cơ cấu, chất lượng, phân bố dân số, trên cơ sở đó lồng ghép yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, từng lĩnh vực.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển, đưa nội dung này là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ của tỉnh. Trong đó, ưu tiên các vấn đề mới, trọng tâm về cơ cấu, chất lượng, phân bố và lồng ghép các yếu tố dân số vào kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực.

- Chú trọng nghiên cứu tác nghiệp, cung cấp bằng chứng phục vụ hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu đưa mức sinh về mức bình thường, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu cải

cách hành chính và quản lý xã hội. Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ cán bộ, công tác viên dân số các cấp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin số liệu về dân số bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ và kết nối các dữ liệu chuyên ngành. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin, số liệu về tình hình và dự báo dân số cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp; báo cáo tổng quan hàng năm về dân số phản ánh hiện trạng, phân tích động thái, phát hiện những vấn đề dân số mới nảy sinh.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

- Tăng cường đầu tư từ ngân sách nhà nước, gồm cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác dân số.

- Thực hiện xã hội hóa cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ dân số

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất. Thực hiện đãi ngộ thỏa đáng, nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ công tác viên ở thôn, tổ dân phố...

- Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, thực hiện chuẩn hóa đội ngũ cán bộ dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu về công tác dân số trong tình hình mới. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn, nghiên cứu khoa học.

- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành nhằm tăng cường chỉ đạo, điều phối hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển.

- Thực hiện chuẩn hóa cán bộ theo nguyên tắc vị trí việc làm và định hướng triển khai toàn diện công tác dân số. Đổi mới nội dung, nhanh chóng phổ cập kiến thức, kỹ năng về dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số để có đủ năng lực đề xuất chính sách, quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác dân số.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ, tạo thuận lợi cho người dân. Đẩy nhanh triển khai thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội. Cung cấp số liệu đầy đủ, tin cậy và dự báo dân số chính xác phục vụ việc lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

IV. KINH PHÍ

Hàng năm, Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn và theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các giai đoạn thực hiện

a) Giai đoạn 1: 2020-2021: Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn lực.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ hoạt động của công tác dân số, tập trung vào chuẩn bị cơ sở triển khai toàn diện Kế hoạch, cụ thể:

- Triển khai thực hiện các chính sách về dân số theo chức năng nhiệm vụ của địa phương, phê duyệt các chương trình, kế hoạch, đề án về dân số.

- Hoàn thành việc kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số; củng cố, kiện toàn tổ chức phối hợp liên ngành về dân số và phát triển từ tỉnh đến cơ sở. Quy định về tổ chức và chính sách đãi ngộ cho cộng tác viên dân số.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích sinh đủ 2 con; hỗ trợ sinh sản; xây dựng cơ chế xã hội hóa tầm soát trước sinh và sàng lọc sơ sinh; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

b) Giai đoạn 2: từ năm 2022 - 2025: Mở rộng, triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Kế hoạch:

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 1, điều chỉnh các chính sách, biện pháp và mở rộng các mô hình can thiệp; triển khai toàn diện các giải pháp, nhiệm vụ để đưa mức sinh về mức bình thường, giảm tỷ số giới tính khi sinh hàng năm, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

2. Các chương trình thực hiện Kế hoạch

- Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 1117/KH-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 41-CTr/TU ngày 26/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XIII) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới.

- Các kế hoạch, chương trình, dự án về công tác dân số và phát triển.

VI. NHIỆM VỤ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt các nội dung của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; cụ thể hóa các mục tiêu của kế hoạch này để xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình, chức năng nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị, cụ thể như sau:

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch này trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chiến lược, kế hoạch liên quan do các sở, ban, ngành chủ trì thực hiện.

- Nghiên cứu, đề xuất chương trình, dự án đầu tư công về công tác dân số gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công, trình Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thực hiện phù hợp với Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết và tổng kết kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan:

- Tổng hợp, vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực dân số.

- Lồng ghép các chỉ báo dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Y tế và các sở, ngành, địa phương tại thời điểm lập dự toán hàng năm, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giao dự toán để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính hướng dẫn về công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu UBND tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn, quy định

của Trung ương. Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện tốt chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ (nếu có) các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực dân số; phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về thông tin, tuyên truyền, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin theo định hướng của Kế hoạch.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí địa phương thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số trong tình hình mới; đưa công tác dân số là một trong những nội dung thường xuyên, liên tục được truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hôn nhân và gia đình, thực hiện các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung dân số vào các hoạt động của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; các hoạt động tuyên truyền hướng tới mục tiêu mỗi gia đình nên sinh đủ 2 con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động văn hóa cơ sở, kịp thời ngăn chặn, xử lý theo quy định việc lưu hành các ấn phẩm, hoạt động trái pháp luật về dân số.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đưa chính sách công tác dân số và việc xây dựng quy ước của thôn, ấp, khu phố; lấy việc thực hiện chính sách công tác Dân số là một tiêu chí để xét công nhận gia đình văn hóa, thôn, ấp, khu phố văn hóa hàng năm.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, SKSS, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh, nhất là trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, SKSS, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học viên.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, Người cao tuổi, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và giảm nghèo theo định hướng của Kế hoạch.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về xây dựng nông thôn mới, di dân tái định cư trên địa bàn tỉnh. Bổ sung các chương trình, dự án để hỗ trợ, tạo điều kiện cho người di cư ổn định cuộc sống, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

11. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan thông báo tổ chức, cá nhân đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dân số và phát triển theo định hướng của Kế hoạch.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai các chương trình, đề án, dự án về xử lý ô nhiễm môi trường nước, biến đổi khí hậu theo định hướng của Kế hoạch.

13. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai các chương trình, đề án, dự án về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết tại vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, giám sát, kiểm tra việc thi hành các chính sách dân số, tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

14. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế thu thập, chia sẻ đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu về dân số cho các cơ quan có liên quan phục vụ cho việc quản lý chương trình dân số và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

15. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Bình Thuận

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp về công tác dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

16. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách về dân số đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng; tham gia các hoạt động dân số gắn với công tác bảo vệ an ninh biên, đảo ở các xã đảo, biển, ven biển và bãi ngang trên địa bàn tỉnh.

17. Các cơ sở giáo dục đại học

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, SKSS, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho sinh viên.

18. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Y tế và các sở, ban, ngành chức năng; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch 5 năm và hằng năm về dân số và phát triển phù hợp với Kế hoạch này.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác dân số, đặc biệt là lồng ghép các yếu tố dân số trong công tác xây dựng kế hoạch và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Bổ sung nguồn lực từ ngân sách địa phương thực hiện kế hoạch. Kiểm tra, giám sát, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

19. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số.

Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện theo nhiệm vụ được phân công; **định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm** báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp.

Giao Sở Y tế làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hòa);
- Mặt trận và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXNV, Việt.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hòa